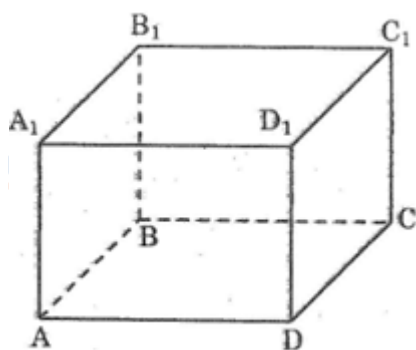


Lời giải Sách bài tập Toán hình lớp 8 tập 2 trang 153, 154, 155, 156, 157 tập 2 Bài: Ôn tập chương 4 - Phần Hình học gồm các bài giải tương ứng với từng bài học trong sách bài tập giúp cho các bạn học sinh ôn tập và củng cố các dạng bài tập, rèn luyện kỹ năng giải môn Toán.

Giải bài 73 SBT Toán hình lớp 8 tập 2 trang 153

Xét hình lập phương. Hãy chỉ ra:

- a. Hai đường thẳng cắt nhau
- b. Hai đường thẳng song song
- c. Hai đường thẳng cắt nhau Và không cùng nằm trong một mặt phẳng;
- d. Đường thẳng nằm trong một mặt phẳng;
- e. Đường thẳng không có điểm chung với mặt phẳng;
- f. Đường thẳng cắt mặt phẳng;
- g. Hai mặt phẳng cắt nhau
- h. Hai mặt phẳng không cắt nhau;
- i. hai mặt phẳng vuông góc với nhau.



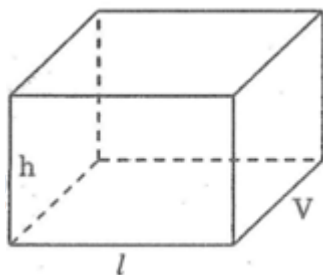
Lời giải:

- a. Hai đường thẳng cắt nhau: AD và DC; AD và DD₁; BB₁ và BC; ...
- b. Hai đường thẳng song song: AB và CD; AB và A₁B₁; ...

- c. Hai đường thẳng cắt nhau và không cùng nằm trong một mặt phẳng : AB và CC_1 ; AA_1 và CD ; ...
- d. Đường thẳng nằm trong mặt phẳng: AB nằm trong $mp(ABB_1A_1)$; AB và $mp(ABCD)$; ...
- e. Đường thẳng không có điểm chung với mặt phẳng : AB và $mp(CDD_1C_1)$; AB và $mp(A_1B_1C_1D_1)$; ...
- f. Đường thẳng cắt mặt phẳng : AA_1 cắt $mp(ABCD)$ tại A ; AA_1 cắt $mp(A_1B_1C_1D_1)$ tại A_1 ; ...
- g. Hai mặt phẳng cắt nhau: $mp(ABCD)$ và $mp(ABB_1A_1)$; $mp(ABCD)$ và $mp(BCC_1B_1)$; ...
- h. Hai mặt phẳng không cắt nhau: $mp(ABCD)$ và $mp(A_1B_1C_1D_1)$; $mp(ABB_1A_1)$ và $mp(CDD_1C_1)$; ...
- i. Hai mặt phẳng vuông góc với nhau: $mp(ABB_1A_1)$ và $mp(ABCD)$; $mp(BCC_1D_1)$ và $mp(ABCD)$; ...

Giải bài 74 trang 154 SBT lớp 8 Toán hình tập 2

Trên hình vẽ, l , V , h là ba kích thước của hình hộp chữ nhật. Hãy điền số thích hợp vào ô trống ở bảng sau:



l 25 8 15 8

V 20 4 6

h 10 6 4

S_{xq} 216

S_{TP}

$V = 576$

Lời giải:

$l = 25 \quad r = 8 \quad h = 15 \quad S = 8$

$V = 20 \quad r = 4 \quad h = 12 \quad S = 6$

$h = 10 \quad r = 6 \quad h = 4 \quad h = 12$

$S_{xq} = 900 \quad 144 \quad 216 \quad 336$

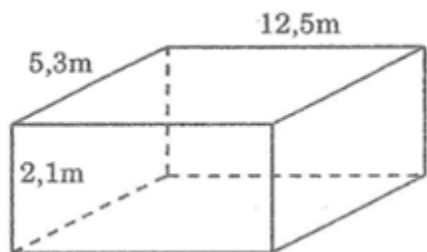
$S_{TP} = 1900 \quad 208 \quad 576 \quad 432$

$V = 500 \quad 192 \quad 720 \quad 576$

Giải bài 75 Toán hình lớp 8 SBT trang 154 tập 2

Bồn đựng nước có dạng hình lăng trụ đứng các kích thước cho trên hình.

- a. Tính diện tích bề mặt của bồn (không tính nắp).
- b. Tính thể tích của bồn.
- c. Khi bồn đầy ắp nước thì nó chứa được bao nhiêu ?
- d. Lượng sơn cần thiết để sơn cả mặt trong và mặt ngoài của bồn là bao nhiêu (một lít sơn phủ được 16 mét vuông).
- f. Một vòi bơm với công suất 125 lít/phút để bơm một lượng nước vào bồn lên độ cao cách đáy bồn là 1,05m thì phải mất bao lâu?



Lời giải:

a. Diện tích bề mặt bốn không có nắp bằng diện tích xung quanh cộng thêm diện tích mặt đáy.

$$\text{Diện tích xung quanh bằng: } S_{xq} = (5,3 + 112,5) \cdot 2,1 = 74,76 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích đáy: } S_{\text{đáy}} = 5,3 \cdot 12,5 = 66,25 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích bề mặt bốn bằng: } 74,76 + 66,25 = 141,01 \text{ (m}^2\text{)}$$

b. Thể tích bồn bằng $V = S \cdot h = 66,25 \cdot 2,1 = 139,125 \text{ (m}^3\text{)}$

c. Ta có: $139,125 \text{ (m}^3\text{)} = 139\,125 \text{ (dm}^3\text{)}$

Một lít nước tương đương với 1 dm^3

Vậy bồn chứa đầy nước: có 139125 lít nước.

Diện tích cả mặt trong và mặt ngoài bồn bằng:

$$141,01 \cdot 2 = 282,02 \text{ (m}^2\text{)}$$

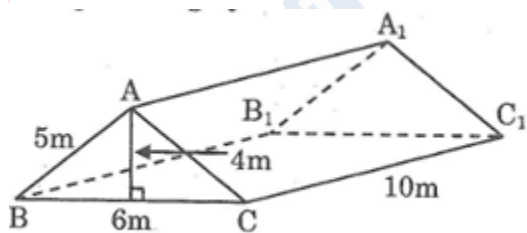
Số lít sơn cần dùng là: $282,02 : 16 \approx 17,63 \text{ (lít)}$

e. Vì nước cách đáy bồn 1,05 m bằng nửa độ cao của bồn nên thời gian chảy cần thiết đầy bể là:

$$(139125 : 125) : 2 = 9 \text{ giờ } 16 \text{ phút } 30 \text{ giây}$$

Giải bài 76 trang 154 tập 2 SBT Toán hình lớp 8

Tính diện tích toàn phần của lăng trụ đứng theo các kích thước cho ở hình.



Lời giải:

Hình vẽ là lăng trụ đứng đáy tam giác cân với cạnh bên bằng 5m, cạnh đáy 6m, chiều cao đáy 4m, chiều cao lăng trụ 10m.

Diện tích xung quanh bằng:

$$S_{xq} = (5 + 5 + 6) \cdot 10 = 160 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích đáy bằng: $S = 1/2 \cdot 6 \cdot 4 = 12 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích toàn phần bằng: $S_{TP} = S_{xq} + S_{đáy} = 160 + 2 \cdot 12 = 184 \text{ (cm}^2\text{)}$

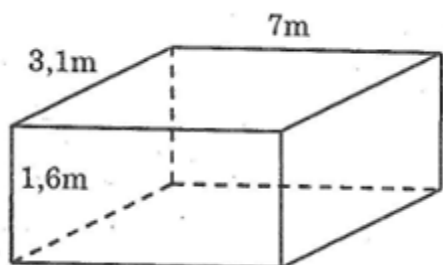
Giải bài 77 SBT Toán hình trang 155 tập 2 lớp 8

Thùng của một xe tải có dạng hình lăng trụ đứng các kích thước cho ở trên hình

a. Tính thể tích của thùng chứa

b. Nếu 1(m²) khối cát nặng 1,6 tấn và xe chở đến 3/4 trọng tải của nó thì sức nặng của cát lúc đó là bao nhiêu?

c. Khi cát được san phẳng chở đầy thì phần diện tích của nó bên trong thùng là bao nhiêu?



Lời giải:

a. Thể tích của thùng chứa bằng : $V = 3,1 \cdot 7 \cdot 1,6 = 34,72 \text{ (m}^3\text{)}$

b. Phần thể tích chở cát bằng: $34,72 \cdot 3/4 = 26,04 \text{ (m}^3\text{)}$

Lượng cát cân nặng là : $26,04 \cdot 1,6 = 41,664 \text{ (tấn)}$

c. Khi cát san phẳng chở đầy thì diện tích của nó bên trong thùng gồm diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có kích thước là 3,1m, 7m và 1,6m cùng với đáy hình chữ nhật kích thước bằng 3,1m và 7m

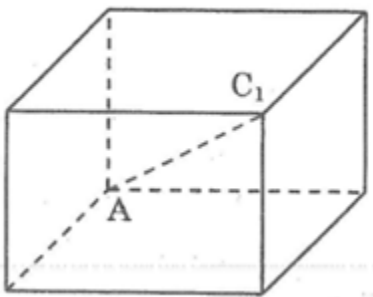
Diện tích cát bên trong thùng là:

$$2.(7+3,1).1,6 + 3,17 = 54,02 \text{ (m}^2\text{)}$$

Giải bài 78 Toán hình SBT lớp 8 trang 155 tập 2

Độ dài đường chéo AC_1 của một hình lập phương là $\sqrt{12}$

- Độ dài mỗi cạnh là bao nhiêu?
- Tính diện tích toàn phần và thể tích của hình lập phương.



Lời giải:

a. Gọi a là độ dài cạnh của hình lập phương. Vì là hình lập phương nên kích thước các cạnh bằng nhau.

Như vậy đường chéo đáy, là đường chéo hình vuông cạnh a .

Độ dài đường chéo đáy là $a\sqrt{2}$

Suy ra: $AC_1^2 = (a\sqrt{2})^2 + a^2 = 2a^2 + a^2 = 3a^2$

Mà $AC_1 = \sqrt{12}$ nên $3a^2 = 12 \Rightarrow a^2 = 4 \Rightarrow a = 2$

Vậy cạnh hình lập phương bằng 2 (đơn vị dài)

b. Diện tích toàn phần hình lập phương:

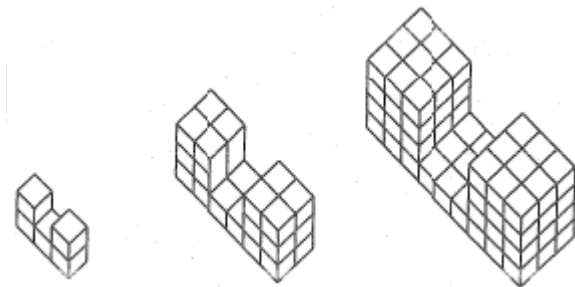
$S_{TP} = 6.(2.2) = 24$ (đơn vị diện tích)

Thể tích hình lập phương:

$V = 2.2.2 = 8$ (đơn vị thể tích)

Giải bài 79 lớp 8 SBT Toán hình tập 2 trang 155

Hãy quan sát ba hình dưới đây, trong đó các hình vuông đơn vị được xếp theo dạng hình chữ U. Số hình lập phương đã xếp tăng lên theo quy luật 5 hình \rightarrow 28 hình \rightarrow 81 hình. Nếu theo quy luật này thì có bao nhiêu hình lập phương đơn vị ở hình thứ 10?



Lời giải:

Khi vẽ hình thứ 3, ta có:

Số hình lập phương đơn vị bên trái là $3 \cdot 4 \cdot 3 = 36$

Số hình lập phương đơn vị bên phải là $3 \cdot 4 \cdot 3 = 36$

Số hình lập phương đơn vị ở giữa là $3 \cdot 3 = 9$

Vậy có tổng số: $36 + 36 + 9 = 81$ hình lập phương đơn vị

Với quy luật đó thì hình thứ 10:

Số hình lập phương đơn vị bên trái là $10 \cdot 11 \cdot 10 = 1100$

Số hình lập phương đơn vị bên phải là $10 \cdot 11 \cdot 10 = 1100$

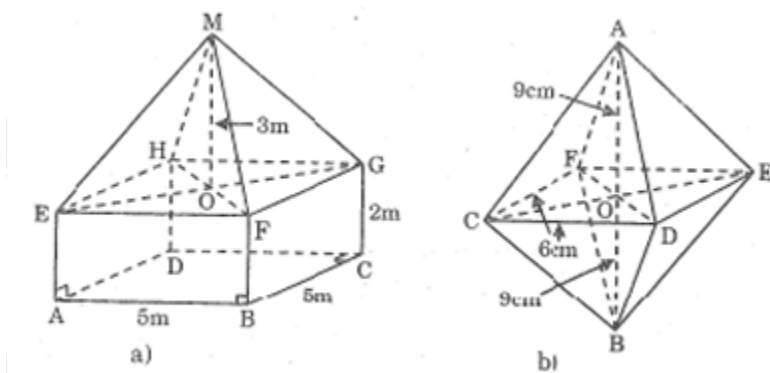
Số hình lập phương đơn vị ở giữa là $10 \cdot 10 = 100$

Vậy tổng số hình lập phương đơn vị của hình thứ 10 là:

$1100 + 1100 + 100 = 2300$ (hình)

Giải bài 80 trang 156 Toán hình tập 2 lớp 8 SBT

Hãy tìm diện tích mặt ngoài theo các kích thước cho ở hình. Biết rằng hình a) gồm một hình chóp đều và một hình hộp chữ nhật hình b) gồm hai hình chóp đều



Lời giải:

*Hình a:

Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật là:

$$S_{xq} = 4.5.2 = 40 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích đáy hình hộp chữ nhật là:

$$S = 5.5 = 25 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đường cao hình chóp bằng 3 nên đường cao mặt bên bằng:

$$\sqrt{(3^2 + (2.5)^2)} = \sqrt{(9 + 6.25)} = \sqrt{15.25} \approx 3,9 \text{ cm}$$

Diện tích xung quanh hình chóp đều:

$$S_{xq} = 1/2 (5.4).3,9 = 39 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Vậy diện tích xung quanh vật thể bằng:

$$40 + 25 + 39 = 104 \text{ (cm}^2\text{)}$$

*Hình b:

Diện tích xung quanh vật thể gồm diện tích xung quanh hai hình chóp đều có cạnh đáy bằng 6cm và đường cao hình chóp 9cm

Đường cao mặt bên bằng : $\sqrt{(3^2 + 9^2)} = \sqrt{90}$

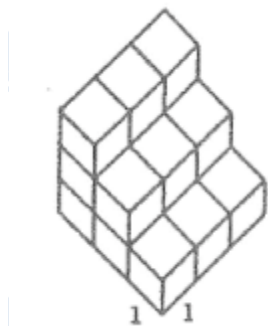
Diện tích xung quanh của hình chóp là:

$$S_{xq} = 1/2 \cdot (6.4) \cdot \sqrt{90} = 12\sqrt{90} \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích xung quanh vật thể là: $2.12\sqrt{90} \approx 228 \text{ (cm}^2\text{)}$

Giải bài 81 SBT Toán hình tập 2 lớp 8 trang 156

Số hình lập phương đơn vị có ở hình bên là bao nhiêu?



Lời giải:

Lớp dưới cùng có: $3.3=9$ (hình lập phương đơn vị)

Lớp thứ hai có: $2.2=4$ (hình lập phương đơn vị)

Lớp trên cùng có: 1 (hình lập phương đơn vị)

Trong hình bên có tất cả: $9+4+1=14$ (hình lập phương đơn vị)

Giải bài 82 SBT Toán hình lớp 8 tập 2 trang 156

Cho biết hộp có dạng hình hộp chữ nhật ,độ dài đường chéo là 50.Hãy tìm các cạnh thước của hình hộp như vậy Hướng dẫn: Đây là bài toán mở hãy chọn hai trong ba kích thước của hình hộp có thể chấp nhận được từ đó tính kích thước còn lại

Lời giải:

Gọi a, b, c lần lượt là ba kích thước của hình hộp chữ nhật.

*Cho a = 30cm; b = 16cm, ta có:

$$a^2 + b^2 + c^2 = 50^2 \Rightarrow 30^2 + 16^2 + c^2 = 50^2$$

$$\text{Suy ra: } c^2 = 2500 - 900 - 256 = 1344$$

Vậy $c = \sqrt{1344} \approx 36,7(\text{cm})$

*Cho $a = 25\text{cm}$; $b = 20\text{cm}$, ta có:

$$a^2 + b^2 + c^2 = 50^2 \Rightarrow 25^2 + 20^2 + c^2 = 50^2$$

Suy ra: $c^2 = 2500 - 625 - 400 = 1475$

Vậy $c = \sqrt{1475} \approx 38,4 \text{ cm}$

Giải bài 83 trang 156 SBT lớp 8 Toán hình tập 2

Một hình lăng trụ đứng có đáy là tam giác vuông, chiều cao 7cm, độ dài hai cạnh góc vuông đáy là 3cm và 3cm. Hãy tính:

- a. Diện tích một mặt đáy
- b. Diện tích mặt xung quanh.
- c. Diện tích toàn phần.
- d. Thể tích lăng trụ.

Lời giải:

a. Diện tích mặt đáy bằng: $S = 1/2 \cdot 3 \cdot 4 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$

b. Cạnh huyền của tam giác đáy bằng: $\sqrt{(3^2 + 4^2)} = \sqrt{25} = 5 \text{ (cm)}$

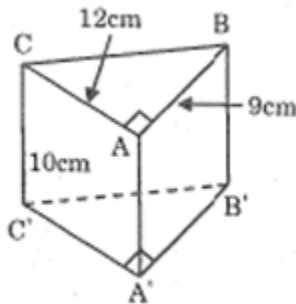
Diện tích xung quanh bằng: $S_{xq} = (3 + 4 + 5) \cdot 7 = 84 \text{ (cm}^2\text{)}$

c. Diện tích toàn phần bằng: $S_{TP} = S_{xq} + S_{\text{đáy}} = 84 + 2 \cdot 6 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}$

d. Thể tích của hình lăng trụ bằng: $V = S \cdot h = 6 \cdot 7 = 42 \text{ (cm}^3\text{)}$

Giải bài 84 Toán hình lớp 8 SBT trang 156 tập 2

Tìm diện tích toàn phần và thể tích của hình lăng trụ đứng có kích thước như hình vẽ.



Lời giải:

Áp dụng định lí Pi-ta-go vào tam giác vuông ABC, ta có:

$$BC^2 = AB^2 + AC^2 = 9^2 + 12^2 = 225$$

Suy ra: $BC = 15$ (cm)

Diện tích xung quanh bằng:

$$S_{xq} = (9 + 12 + 15) \cdot 10 = 360 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích mặt đáy bằng:

$$S = \frac{1}{2} \cdot 9 \cdot 12 = 54 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần bằng :

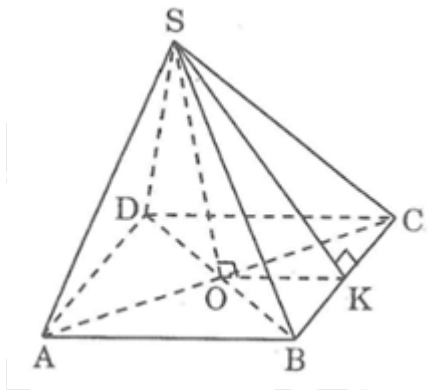
$$S_{TP} = S_{xq} + S_{\text{đáy}} = 360 + 2 \cdot 54 = 468 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Thể tích của hình lăng trụ bằng : $V = S \cdot h = 54 \cdot 10 = 540 \text{ (cm}^3\text{)}$

Giải bài 85 trang 156 tập 2 SBT Toán hình lớp 8

Một hình chóp tứ giác đều S.ABCD có độ dài cạnh đáy là 10cm, chiều cao hình chóp là 12 cm. Tính :

- Diện tích toàn phần của hình chóp
- Thể tích của hình chóp



Lời giải:

a. Gọi O là tâm của hình vuông đáy.

Kẻ $SK \perp BC$, ta có: $KB = KC$

Vì $SO \perp (ABCD)$ nên $SO \perp OK$

Trong tam giác SOK ta có:

$$\angle(SOK) = 90^\circ$$

$$OK = 12; AB = 5\text{cm}$$

Áp dụng định lí Pi-ta-go vào tam giác vuông SOK, ta có:

$$SK^2 = SO^2 + OK^2 = 12^2 + 5^2 = 169$$

$$\text{Suy ra: } SK = 13 \text{ (cm)}$$

$$\text{Diện tích xung quanh hình chóp đều: } S = (2 \cdot 10) \cdot 13 = 260 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích mặt đáy: } S = 10 \cdot 10 = 100 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích toàn phần hình chóp đều: } S_{TP} = S_{xq} + S_{\text{đáy}} = 260 + 100 = 360 \text{ (cm}^2\text{)}$$

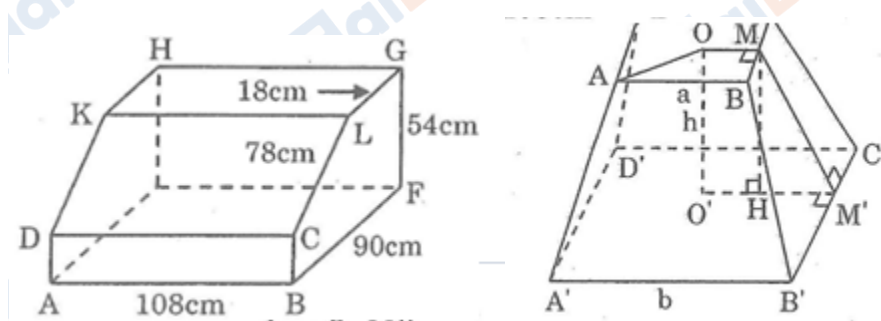
$$\text{b. Thể tích hình chóp đều bằng: } V = \frac{1}{3} S \cdot h = \frac{1}{3} \cdot 100 \cdot 12 = 400 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Giải bài 86 SBT Toán hình trang 157 tập 2 lớp 8

Người ta vẽ phần trên của một cái bàn học có dạng một lăng trụ đứng như hình vẽ các kích thước của nó là: $AB = 108\text{cm}, BC = 24\text{cm}; BF = 90 \text{ cm}, FH = 54 \text{ cm},$

LG=18 cm, LC = 78cm. Các cạnh AB,DC,EF,HG và KL đều vuông góc với mặt phẳng (ADKHE) và LG song song với BF. Hãy tính:

- Diện tích hình chữ nhật CDKL
- Diện tích hình thang BCLGF
- Thể tích hình lăng trụ đứng ADKHE.BCLGF



Lời giải:

- Diện tích hình chữ nhật CDKL

$$CD = AB = 108 \text{ cm}$$

$$S_{CDKL} = CD \cdot CL = 108 \cdot 78 = 8424 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- Hình BCLGF có thể chia thành hai hình Một hình chữ nhật có kích thước 18cm và 54cm, một hình thang vuông có: 2 đáy là 24cm và 54cm, chiều cao 72cm

$$\text{Diện tích phần hình chữ nhật là: } S = 18 \cdot 54 = 972 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích phần hình thang vuông

$$S = [(24 + 54) : 2] \cdot 72 = 2808 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích hình BCLGF bằng: } 972 + 2808 = 3780 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- Hình lăng trụ đứng ADKHE.BCLGF có thể chia thành hai hình.

Một hình hộp chữ nhật có hai cạnh đáy là 13cm và 54cm, chiều cao hình hộp 108cm, một hình lăng trụ đứng đáy hình thang vuông với hai cạnh đáy 24cm và 54cm, chiều cao đáy 72cm chiều cao lăng trụ 108cm

Thể tích phần hình hộp chữ nhật là :

$$V = 18.54.108 = 104976 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Thể tích phần hình lăng trụ đứng là:

$$V = S.h = 2808.108 = 303264 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Thể tích lăng trụ đứng ADKHE.BCLGF bằng:

$$V = 104976 + 303264 = 408240 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Giải bài 87 Toán hình SBT lớp 8 trang 157 tập 2

Thể tích của hình chóp đều là 126 cm^3 , chiều cao hình chóp là 6 cm . Như vậy trong các số dưới đây, số nào là diện tích đáy của nó?

A. $45 \text{ (cm}^2\text{)}$

B. $52 \text{ (cm}^2\text{)}$

C. $63 \text{ (cm}^2\text{)}$

D. $60 \text{ (cm}^2\text{)}$

E. $50 \text{ (cm}^2\text{)}$

Lời giải:

Ta có: $V = \frac{1}{3} .S.h$ mà $V = 126 \text{ (cm}^3\text{)}$, $h = 6 \text{ cm}$ nên :

$$126 = \frac{1}{3} .S.6 \Rightarrow S = 126 :2 = 63 \text{ (cm}^2\text{)}$$

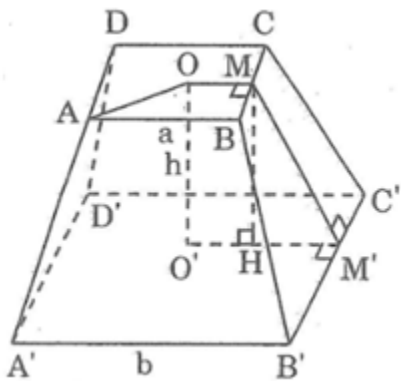
Vậy chọn đáp án C

Giải bài 88 lớp 8 SBT Toán hình tập 2 trang 157

Cho hình chóp cụt đều ABCD.A'B'C'D' có cạnh đáy là a và $2a$ chiều cao của mặt bên là a

a. Tính diện tích xung quanh hình chóp cụt

b. Tính độ dài cạnh bên và chiều cao hình chóp cụt



Lời giải:

Một mặt bên của hình chóp cụt là một hình thang có hai đáy là a và $2a$; đường cao bằng a .

Diện tích mặt bên là:

$$S = (a + 2a) \cdot a = 3/2 a^2 \text{ (đvtt)}$$

Diện tích xung quanh hình nón cụt:

$$S_{xq} = 4 \cdot 3/2 a^2 = 6a^2 \text{ (đvtt)}$$

Kẻ $A'H \perp AB$.

Ta có K là trung điểm của AB , I là trung điểm của $A'B'$. O và O' là tâm của hai hình vuông đáy.

Ta có: $A'I = a/2$; $AK = a \Rightarrow AH = a/2$

Áp dụng định lí Pi-ta-go vào tam giác vuông $AA'H$, ta có:

$$A'A^2 = A'H^2 + AH^2 = a^2 + a^2/4 = 5a^2/4$$

Suy ra: $AA' = \sqrt{5a^2/4}$

Kẻ $IE \perp OK$, ta có: $OK = a \Rightarrow EK = a/2$

Áp dụng định lí Pi-ta-go vào tam giác vuông IEK , ta có:

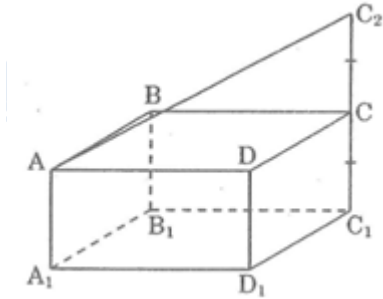
$$IK^2 = IE^2 + EK^2$$

Suy ra: $IE^2 = IK^2 - EK^2 = a^2 - (a/2)^2 = 3a^2/4$

Vậy $IE = \sqrt{(3a^2/4)}$

Giải bài 89 trang 157 SBT lớp 8 Toán hình tập 2

Cần phải đo đường chéo của một viên gạch có dạng hình hộp chữ nhật mà chỉ được phép sử dụng thước có chia vạch thì phải làm như thế nào?



Lời giải:

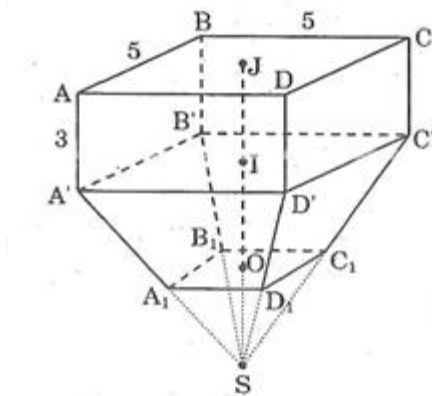
Gọi viên gạch là hình hộp chữ nhật $ABCD.A_1B_1C_1D_1$.

Để đo đường chéo AC_1 ta làm như sau: trên tia đối tia CC_1 ta lấy điểm C_2 sao cho $CC_2 = CC_1$.

Dùng thước chia vạch đo đoạn AC_2 . Độ dài đoạn AC_2 chính là độ dài đường chéo AC_1 .

Giải bài 90 trang 157 Toán hình tập 2 lớp 8 SBT

Tính thể tích của 1 trụ bê tông cho theo các kích thước ở hình, $SJ = 9$, $OI = IJ$. Phần trên là một hình hộp chữ nhật, phần dưới là một hình chóp cụt đều.



Lời giải:

Thể tích phần hình hộp chữ nhật:

$$V = 5.5.5 = 75 \text{ (đvtt)}$$

$$\text{Ta có: } IJ = AA' \Rightarrow IJ = 3$$

$$OI = IJ = 3$$

$$SJ = 9 \Rightarrow SO = 3$$

$$\text{Suy ra: } SA_1 = A_1A'; SD_1 = D_1D'$$

Khi đó hình vuông $A_1B_1C_1D_1$ có cạnh $A_1B_1 = 1/2 A'B' = 2,5$

Thể tích hình chóp đều $S.A'B'C'D'$ là:

$$V = 1/3 (5.5).6 = 50 \text{ (đvtt)}$$

Thể tích hình chóp đều $A_1B_1C_1D_1$ là:

$$V = 1/3 (2,5.2,5).3 = 6,25 \text{ (đvtt)}$$

Thể tích hình chóp cụt $A'B'C'D'.A_1B_1C_1D_1$ là:

$$V = 50 - 6,25 = 43,75 \text{ (đvtt)}$$

Thể tích của một trụ bê tông là:

$$V = 43,75 + 75 = 118,75 \text{ (đvtt)}.$$

CLICK NGAY vào TẢI VỀ dưới đây để download hướng dẫn giải Sách bài tập Toán hình lớp 8 tập 2 trang 153, 154, 155, 156, 157 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.